



Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Cấp hành chính	Phân loại đô thị	
			Hiện trạng năm 2020	Định hướng đến năm 2030
I	Tổng số đô thị		18	18
1	Thành phố Pleiku	Thành phố	I	I
2	Thị trấn Phú Hòa	Thị trấn huyện lỵ	V	V
3	Thị trấn Ya Ly	Thị trấn hiện có thuộc huyện	V	V
4	Thị xã Chư Sê	Thị xã	IV	IV(MR)
5	Thị trấn Nhơn Hòa	Thị trấn huyện lỵ	V	V
6	Thị trấn Đak Đoa	Thị xã	V	IV
7	Thị trấn Ia Kha	Thị trấn huyện lỵ	V	V
8	Thị trấn Chư Ty	Thị xã	V	V
9	Thị trấn Chư Prông	Thị trấn huyện lỵ	V	V
10	Thị xã An Khê	Thị xã	IV	III
11	Thị trấn Kbang	Thị trấn huyện lỵ	V	IV
12	Thị trấn Kon Dong	Thị trấn huyện lỵ	V	V
13	Thị trấn Krông Chro	Thị trấn huyện lỵ	V	V
14	Thị trấn Đak Pơ	Thị trấn	V	(sát nhập vào thị xã An Khê và trở thành phường thuộc thị xã)
15	Thị xã Ayun Pa	Thị xã	IV	IV
16	Thị trấn Ia Pa	Thị trấn huyện lỵ	V	V
17	Thị trấn Phú Thiện	Thị trấn huyện lỵ	V	IV

STT	Danh mục	Cấp hành chính	Phân loại đô thị	
			Hiện trạng năm 2020	Định hướng đến năm 2030
18	Thị trấn Phú Túc	Thị trấn huyện lỵ	V	V
II	Đô thị hình thành giai đoạn 2026 - 2030			
19	Đô thị cửa khẩu Lệ Thanh	Đô thị mới		V
III	Đô thị hình thành sau năm 2030			
20	Đô thị Ia Le	Đô thị mới		
21	Thị trấn Nam Yang	Đô thị mới		
22	Đô thị Ia Krái	Đô thị mới		
23	Đô thị Bàu Cạn	Đô thị mới		
24	Đô thị Ia Ga	Đô thị mới		
25	Thị trấn Sơn Lang	Đô thị mới		
26	Đô thị Kon Thụp	Đô thị mới		
27	Đô thị Pờ Tó	Đô thị mới		
28	Đô thị Lệ Bắc	Đô thị mới		

Ghi chú: Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

Phụ lục II
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục khu công nghiệp (KCN)	Địa điểm dự kiến	Quy mô (ha)	
			Năm 2030	Sau năm 2030
I	Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ			
1	KCN Trà Đa	Thành phố Pleiku	210	
2	KCN Nam Pleiku	Các huyện: Chư Sê, Chư Prông	200	200
3	KCN Nam Pleiku 2	Huyện Chư Sê	41	300
4	KCN Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	200	200
II	Các khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp			
5	KCN Tây Nam Pleiku	Giao lộ giữa cao tốc đường 19 và cao tốc Bắc - Nam		500
6	KCN Chư Sê	Huyện Chư Sê		300
7	KCN An Khê	Thị xã An Khê		200
8	KCN Ayun Pa	Thị xã Ayun Pa		200

Ghi chú: Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới khu công nghiệp sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.



Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Địa điểm dự kiến	Quy mô (ha)	
			Năm 2030	Sau năm 2030
1	Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku	Thành phố Pleiku	40	40
2	Cụm công nghiệp Pleiku 1	Thành phố Pleiku	75	75
3	Cụm công nghiệp Pleiku 2	Thành phố Pleiku	75	75
4	Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp huyện Chư Păh	Huyện Chư Păh	75	75
5	Cụm công nghiệp Ia Ly	Huyện Chư Păh	24,5	75
6	Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp huyện Mang Yang	Huyện Mang Yang	75	75
7	Cụm công nghiệp Mang Yang 1	Huyện Mang Yang	75	75
8	Cụm công nghiệp Mang Yang 2	Huyện Mang Yang	75	75
9	Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê	Huyện Chư Sê	45,66	75
10	Cụm công nghiệp thị xã An Khê	Thị xã An Khê	75	75
11	Cụm công nghiệp Song An 1	Thị xã An Khê	75	75
12	Cụm công nghiệp Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	38	75
13	Cụm công nghiệp Phú An	Huyện Đak Pơ	25	25
14	Cụm công nghiệp Đak Pơ 1	Huyện Đak Pơ	75	75
15	Cụm công nghiệp Đak Pơ 2	Huyện Đak Pơ	75	75
16	Cụm công nghiệp Ia Pa	Huyện Ia Pa	75	75
17	Cụm công nghiệp Ia Grai	Huyện Ia Grai	75	75
18	Cụm công nghiệp Ia Grai 2	Huyện Ia Grai	61	75
19	Cụm công nghiệp Kông Chro	Huyện Kông Chro	30	75

STT	Danh mục cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Địa điểm dự kiến	Quy mô (ha)	
			Năm 2030	Sau năm 2030
20	Cụm công nghiệp Chư Prông 1	Huyện Chư Prông	75	75
21	Cụm công nghiệp Chư Prông 2	Huyện Chư Prông	75	75
22	Cụm công nghiệp Chư Prông 3	Huyện Chư Prông	75	75
23	Cụm công nghiệp Ia Sao	Thị xã Ayun Pa	50	75
24	Cụm công nghiệp Chư Puh	Huyện Chư Puh	48	75
25	Cụm công nghiệp Krông Pa	Huyện Krông Pa	50	75
26	Cụm công nghiệp Kbang	Huyện Kbang	30	75
27	Cụm công nghiệp Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	75	75
28	Cụm công nghiệp số 2 huyện Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	75	75
29	Cụm công nghiệp Đak Đoa 3	Huyện Đak Đoa	75	75
30	Cụm công nghiệp dự phòng Đak Đoa 4	Huyện Đak Đoa	75	75
31	Cụm công nghiệp Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	75	75
	Tổng cộng		1.942,16	2.240,00

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.



Phụ lục IV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO,
KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO,
KHU LÂM NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Dự án các vùng nguyên liệu rau an toàn, ứng dụng công nghệ cao cho nhà máy chế biến rau quả	Thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa	500
2	Các dự án chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao (bò sữa, bò thịt cao sản, heo)	Các huyện: Chư Prông, Chư Puh, Ia Pa, Krông Pa	1.000
3	Dự án vùng nguyên liệu cây công nghiệp ứng dụng công nghệ cao (cà phê, điều, tiêu, chè...)	Toàn tỉnh	2000
4	Dự án Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Thành phố Pleiku, các huyện: Đak Đoa, Mang Yang	1000
5	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Huyện Chư Sê	150
6	Dự án khu nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch và kinh doanh thương mại	Thành phố Pleiku, các huyện: Đak Đoa, Chư Sê, Mang Yang	300
7	Dự án Khu Nông - Lâm nghiệp công nghệ cao	Các huyện: Kbang, Mang Yang	350
8	Khu Lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Huyện Mang Yang	285
9	Các dự án cây dược liệu (hà thủ ô, mật nhân, ba kích, đinh lăng, sâm Ngọc Linh, giống dược liệu...) theo tiêu chuẩn GACP-WHO	Các huyện: Chư Sê, Kbang	100
10	Dự án thử nghiệm, phát triển Sâm Việt Nam	Huyện Kbang	1000

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các hạng mục nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục V
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, CẢI TẠO, TU BỒ,
PHỤC HỒI CÁC DI TÍCH TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu	Phân loại <i>(Di tích quốc gia đặc biệt; Di tích quốc gia; Di tích cấp tỉnh)</i>	Địa điểm dự kiến
1	Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo	Di tích Quốc gia đặc biệt	Thị xã An Khê, các huyện: Đăk Pơ, Kbang, Kông Chro
2	Di tích khảo cổ Rộc Tung-Gò Đá	Di tích Quốc gia đặc biệt	Thị xã An Khê
3	Biển Hồ	Di tích Quốc gia	Thành phố Pleiku
4	Làng kháng chiến Stor	Di tích Quốc gia	Huyện Kbang
5	Di tích Plei Oi	Di tích Quốc gia	Huyện Phú Thiện
6	Nhà lao Pleiku	Di tích Quốc gia	Thành phố Pleiku
7	Địa điểm chiến thắng Đak Pơ	Di tích Quốc gia	Huyện Đak Pơ
8	Địa điểm chiến thắng đường 7 - sông Bờ	Di tích Quốc gia	Thị xã Ayun Pa
9	Địa điểm chiến thắng Pleime	Di tích Quốc gia	Huyện Chư Prông
10	Trùng tu, tôn tạo, tu bổ, chống xuống cấp các di tích cấp tỉnh: Đền tưởng niệm Mộ liệt sỹ; Chiến thắng Chư Ty; Khu căn cứ địa cách mạng Khu 10; Căn cứ cách mạng Khu 9 - xã Gào; Vụ thăm sát nhân dân làng Tân Lập năm 1947; Địa điểm đón thư Bác Hồ gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku năm 1946; Khu lưu niệm Anh hùng Wừu; Chiến thắng Chư Nghé; Chiến thắng Chư Bờ; Khu mộ nhà giáo Nay Der; Địa	Di tích cấp tỉnh	Toàn tỉnh

STT	Tên khu	Phân loại (Di tích quốc gia đặc biệt; Di tích quốc gia; Di tích cấp tỉnh)	Địa điểm dự kiến
	điểm chiến thắng Plei Ring; Bến đò A Sanh; Miếu Thanh Minh; Cụm đình miếu Tân Lai - Tân Chánh; Đình Tân An; Khu tưởng niệm liệt sĩ Tú Thủy; Địa điểm thành lập chi bộ đầu tiên của huyện Cheo Reo (10/8/1947); Chiến thắng Suối Vôi, Rộc Dứa; Quảng trường Đại Đoàn Kết; Di tích thung lũng Ia Drang; Bia Chăm Tư Lương; Căn cứ cách mạng Huyện 6 (Khu 6); Quần thể di tích Ấp Tây Sơn Nhì - Cửu An; Miếu An Tân; Đình Cửu Định; Đền tưởng niệm liệt sĩ Ka Nak (Kbang).		

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các di tích sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết hoặc lập dự án đầu tư.

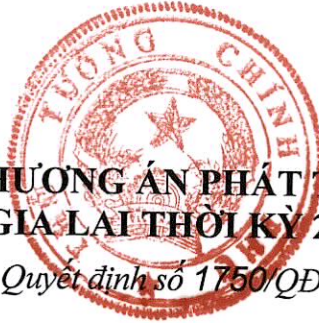


Phụ lục VI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU DU LỊCH TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

STT	Tên khu	Địa điểm dự kiến
I	Khu du lịch cấp quốc gia	
1	Khu du lịch Biển Hồ - Chư Đăng Ya	Thành phố Pleiku; huyện Chư Păh
II	Khu du lịch cấp tỉnh	
1	Khu du lịch sinh thái vườn quốc gia Kon Ka Kinh	Huyện Mang Yang
2	Khu du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	Huyện Kbang
3	Khu du lịch văn hóa Cao Nguyên Đồi thông kết hợp đô thị sinh thái	Huyện Ia Grai và Thành phố Pleiku
4	Khu du lịch nghỉ dưỡng đồi thông Đak Pơ	Huyện Đak Pơ
5	Khu du lịch suối đá 2 (du lịch tâm linh kết hợp sinh thái)	Thị xã Ayun Pa
6	Khu du lịch sinh thái Hòn đá Trãi kết hợp du lịch cộng đồng làng truyền thống văn hóa dân tộc	Huyện Mang Yang
7	Khu du lịch đập Bến Tuyết	Thị xã An Khê
8	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Ia Ly	Huyện Chư Păh
9	Khu du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Sê San 4	Huyện Ia Grai
10	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng thác Mơ	Huyện Ia Grai
11	Khu du lịch sinh thái gắn với bảo tồn và phát huy giá trị "Di tích khảo cổ thời đại Đá cũ Rộc Tung"	Thị xã An Khê
12	Khu du lịch sinh thái kết hợp du lịch cộng đồng Chư Don - Ia Nhi - Thơ Ga	Huyện Chư Puh
13	Khu du lịch công viên Đồi thông, thị trấn Đak Đoa	Huyện Đak Đoa
14	Khu du lịch Hồ Ia Băng - Đak Đoa	Huyện Đak Đoa
15	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, văn hóa, lịch sử	Huyện KBang

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu du lịch sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.



Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đường	Điểm đầu (Km)	Điểm cuối (Km)	Quy mô giai đoạn quy hoạch (Cấp, số làn)
A	MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG QUỐC LỘ, CAO TỐC			
I	Cao tốc			
1	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02) (đoạn qua tỉnh Gia Lai dài khoảng 97 km) gồm 2 đoạn: Ngọc Hồi (tỉnh Kon Tum) - Pleiku (tỉnh Gia Lai); Pleiku (tỉnh Gia Lai) - Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk)	Ranh giới giữa tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai	Ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk	6 làn
2	Cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh (CT.20), đoạn qua tỉnh Gia Lai dài khoảng 154 km	Ranh giới giữa tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai	Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai	4 làn
II	Quốc lộ			
1	QL.14C	Km107+000	Km197+880	III-IV, 2-4 làn xe
2	QL.19	Km67+000	Km241+000	III, 2-6 làn xe
3	QL.19D	Km0+000	Km45+500	III-IV, 2-4 làn xe
4	QL.19E	Km0+00 (giao với QL.19 tại Km79+900 thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai)	Km73+800 (huyện. Kông Chro (giáp ranh tỉnh Phú Yên)	III-IV, 2-4 làn xe
5	QL.25	Km69+000	Km180+810	III, 2-4 làn xe
6	Đường Hồ Chí Minh	Km1564+327	Km1667+570	III, 2-4 làn xe

STT	Tên đường	Điểm đầu (Km)	Điểm cuối (Km)	Quy mô giai đoạn quy hoạch (Cấp, số làn)
	(QL.14)			
	Đường Hồ Chí Minh - Tuyến tránh thành phố Pleiku	Km+000	Km30+327	Đường cao tốc
	Đường Hồ Chí Minh - Tuyến tránh Chư Sê	Km0+000	Km10+821	III, 2-4 làn xe
7	Đường Trường Sơn Đông	Km230+000	Km475+000	III-IV, 2-4 làn xe
B	MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG TỈNH			
1	ĐT.661	Huyện Chư Păh	Huyện Chư Păh	III
2	ĐT.662B	Huyện Phú Thiện	Huyện Krông Pa	IV
3	ĐT.663	Huyện Chư Prông	Huyện Chư Prông	III+IV
4	ĐT.664	Thành phố Pleiku	Huyện Ia Grai	III+IV
5	ĐT.665	Huyện Chư Prông	Huyện Chư Prông	III+IV
6	ĐT.666	Huyện Mang Yang	Huyện Ia Pa	III+IV
7	ĐT.667	QL19, thị xã An Khê	Đường Trường Sơn Đông, huyện Ia Pa	IV
8	ĐT.668	Thị xã Ayun Pa	Thị xã Ayun Pa	III+IV
9	ĐT.669	Thị xã An Khê	Huyện Kbang	III+IV
10	ĐT.670B	Thành phố Pleiku	Huyện Đak Đoa	III+IV
11	Đường tỉnh (Pleiku - Đak Đoa - Chư Sê)	Thành phố Pleiku	Huyện Chư Sê	IV
12	Đường tỉnh (Tuyến T1)	QL.19 huyện Chư Prông	Đường tỉnh 666 huyện Mang Yang	IV
13	Đường tỉnh (Tuyến T2)	Đường Hồ Chí Minh địa phận, huyện Chư Păh	Huyện Đức Cơ	IV
14	Đường tỉnh	QL.25 thuộc	QL.19,	IV


STT	Tên đường	Điểm đầu (Km)	Điểm cuối (Km)	Quy mô giai đoạn quy hoạch (Cấp, số làn)
	(Tuyến T3)	huyện Chư Sê	Huyện Đức Cơ	
15	Đường tỉnh (Tuyến T5)	QL.19D, Huyện Chư Păh	Huyện Kbang	Tối thiểu cấp IV
16	Đường tỉnh (Tuyến T6)	QL.19, huyện Đak Đoa	QL.19E, huyện Kông Chro	IV
17	Đường tỉnh (Tuyến T8)	Đường Hồ Chí Minh, huyện Chư Puh	ĐT.665, huyện Chư Prông	Tối thiểu cấp IV
18	Đường tỉnh (Tuyến T9)	Giao với đường Trường Sơn Đông (địa phận huyện Kông Chro)	Đường Trường Sơn Đông (địa phận huyện Ia Pa)	Tối thiểu cấp IV
19	Đường tỉnh (Tuyến T10)	QL.19 địa phận thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai)	QL.25, huyện Krông Pa	Tối thiểu cấp IV
C	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KẾT NỐI			
20	Nghiên cứu đầu tư tuyến đường từ xã Ia Pơ kết nối với tuyến QL 14.C	Huyện Chư Prông	km 196+200, QL 14.C	cấp IV
21	Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường kết nối với các tỉnh lân cận, gồm: Bình Định, Kon Tum, Phú Yên, Đắk Lắk.			

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

STT	Tên cảng hàng không	Quy mô, cấp sân bay	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)
	Theo Quy hoạch tổng thể phát triển cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt			
	Cảng hàng không Pleiku	Cấp 4C	Thành phố Pleiku	383,68 ha

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

**Phụ lục IX**
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

STT	Tên tuyến	Loại đường dự kiến (đơn, đôi)	Khổ đường dự kiến (mm)
Tuyến đường sắt quốc gia			
Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt			
1	Xây dựng tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Đoạn qua tỉnh Gia Lai dài khoảng 100 km)	Đường đơn	Khổ 1.435mm

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên hệ thống	Địa điểm dự kiến	Phạm vi phục vụ dự kiến	Nhiệm vụ tưới dự kiến (ha)
I	Xây dựng mới			
1	Hệ thống kết nối điều hòa nguồn nước đập dâng Thượng Ayun + hồ Đăk Ptó (theo Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)			22.300
2	Hồ Ea Thul (theo Quyết định 847/QĐ-TTg)	Huyện Ia Pa	Huyện Ia Pa	8.600
3	Hồ Kchi Ruồi	Huyện Chư Sê	Huyện Chư Sê	1.300
4	Hồ Làng Ngo	Huyện Chư Sê	Huyện Chư Sê	2.500
5	Hồ Ia Dok	Huyện Chư Sê	Huyện Chư Sê	810
6	Hồ Ia Rheo	Huyện Ia Pa	Huyện Ia Pa	1.020
7	Hồ Đăk Pi Hao	Huyện Ia Pa	Huyện Ia Pa	10.200
8	Hồ Ea Rsai	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	1.950
9	Hồ Thượng Ea Ur	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	3.050
10	Hồ Ea Po	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	2.550
11	Hồ Ea Trat	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	590

STT	Tên hệ thống	Địa điểm dự kiến	Phạm vi phục vụ dự kiến	Nhiệm vụ tưới dự kiến (ha)
12	Hồ Ea Drê	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	4.300
13	Hồ Làng Canh	Huyện Chư Păh	Huyện Chư Păh	1.000
14	Hồ Ia Kron	Huyện Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	600
15	Hồ Suối Tô (Plei Dio)	Huyện Chư Prông	Huyện Chư Prông	800
16	Đập Ia Lôp 2	Huyện Chư Puh	Huyện Chư Puh	500
17	Hồ Chư Bor	Huyện Chư Puh	Huyện Chư Puh	600
18	Hồ Ia Rong	Huyện Chư Puh	Huyện Chư Puh	900
19	Hồ Làng Long	Huyện Chư Puh	Huyện Chư Puh	700
20	Đập Ia Kiâm 3	Huyện Ia Grai	Huyện Ia Grai	900
21	Hồ Suối Lơ	Huyện Kbang	Huyện Kbang	1.500
22	Hồ Đak Tô Kông	Huyện Kbang	Huyện Kbang	4.800
23	Hồ Đak Pơ Pho	Huyện Kông Chro	Huyện Kông Chro	950
24	Hồ Ia Ke	Huyện Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	700
25	Trạm bơm Ia Sol	Huyện Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	1.000
26	Hồ Ea Sol	Huyện Phú	Huyện Phú	700

STT	Tên hệ thống	Địa điểm dự kiến	Phạm vi phục vụ dự kiến	Nhiệm vụ tưới dự kiến (ha)
		Thiện	Thiện	
27	Trạm bơm Hồ Ayun hạ	Huyện Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	10.000
28	Hồ Ia Rơ Dung	Thành phố Pleiku	Thành phố Pleiku	500
29	Hồ Ia Lốp Thượng	Huyện Chư Sê	Huyện Chư Sê	540
30	Hồ Đak Xà Wong	Huyện Đak Pơ	Huyện Đak Pơ	2.000
31	Hồ Đak Pơ Kơ	Huyện Kông Chro	Huyện Kông Chro	2.000
32	Hồ Ea Guir	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	1.100
33	Hồ Ea Ke	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	650
34	Hồ Đăk HNgoi	Huyện Mang Yang	Huyện Mang Yang	480
35	Hồ Ea Guir	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	600
36	Hồ Ea Trat	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	600
37	Hồ Hà Long	Huyện Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	500
38	Hồ Đak Pơ Tó 2	Huyện Ia Pa	Các huyện Ia Pa, Mang Yang	800
39	Hồ Đak Pơ Tó 1	Huyện Ia Pa	Các huyện Ia Pa, Mang Yang	2.600
40	Hồ Đăk Tô Kong			1.000
41	Xây mới các công trình khác (bao gồm danh mục 210 công trình) (*)	Toàn tỉnh	Toàn tỉnh	38.033

STT	Tên hệ thống	Địa điểm dự kiến	Phạm vi phục vụ dự kiến	Nhiệm vụ tưới dự kiến (ha)
II	Nâng cấp, cải tạo			
1	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Ayun hạ (theo Quyết định 847/QĐ-TTg)			
2	Sửa chữa, nâng cấp các công trình hư hỏng	Toàn tỉnh	Toàn tỉnh	
3	Các công trình thủy lợi phát sinh mới	Toàn tỉnh	Toàn tỉnh	

Ghi chú: Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

(*) Các công trình phân cấp cho cấp tỉnh, huyện quản lý căn cứ vào nhu cầu, tính cấp bách của dự án tỉnh cân đối, đảm bảo nguồn lực triển khai.



Phụ lục XI

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN KÈ CHỐNG SẠT LỞ
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)*

STT	Tên tuyến kè sông/suối	Địa điểm dự kiến	Chiều dài dự kiến (m)
1	Sạt lở bờ Sông Ba khu vực xã Chư Rcăm, huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	2.000
2	Sạt lở suối Đăk Pi Hao	Huyện Ia Pa	500
3	Sạt lở Sông Ba (đoạn chân cầu đi xã Ia Kdăm)	Huyện Ia Pa	500
4	Sạt lở Sông Ba (khu vực xã Chư Mố)	Huyện Ia Pa	1.300
5	Sạt lở Sông Ba (khu vực xã Ia Tróck)	Huyện Ia Pa	300
6	Sạt lở Sông Ayun (khu vực xã Ia Tróck)	Huyện Ia Pa	300
7	Sạt lở Sông Ba (khu vực xã Ia Broãi)	Huyện Ia Pa	1.650
8	Sạt lở bờ sông đoạn qua trung tâm thị trấn Ka Nat, huyện Kbang	Huyện Kbang	4.000
9	Sạt lở Sông Ba (khu vực Bôn Hoan 1 và 2, xã Ia Sao)	Thị xã Ayun Pa	2.000
10	Sạt lở Sông Bờ (khu vực Bôn Hoan 1 và 2, xã Ia Sao)	Thị xã Ayun Pa	1.000
11	Sạt lở Sông Bờ (khu vực Bôn Hoan 1, xã Ia Sao)	Thị xã Ayun Pa	500
12	Sạt lở Sông Ba (khu vực Bôn H'Lip)	Thị xã Ayun Pa	800
13	Sạt lở Sông Ba (khu vực Bôn Phu Ma Miong, Xã Ia Rtô)	Thị xã Ayun Pa	1.200
14	Sạt lở Sông Ba (khu vực Đức Lập, Xã Ia Rtô)	Thị xã Ayun Pa	2500
15	Sạt lở suối Đăk Lốp (khu vực Cầu Đăk Lốp đến Sông Ba)	Huyện Kbang	2.900
16	Sạt lở Sông Ba (khu vực Thôn 10 Xã Đông)	Huyện Kbang	2.940
17	Kè chống nguy cơ sạt lở cho các hộ dân sống dọc bờ Đông sông Ia Sol đoạn từ đầu cầu Ia Sol đến Nhà thờ Plei A Thai	Huyện Phú Thiện	1.300
18	Kè chống sạt lở bờ sông (đoạn chảy qua trạm bơm điện Chư Răng 2, khu vực	Huyện Ia Pa	1.500

STT	Tên tuyến kè sông/suối	Địa điểm dự kiến	Chiều dài dự kiến (m)
	thôn Quý Đức, khu vực cầu IaKdăm)		
19	Kè chống sạt lở trong khu dân cư xã Ia Drang	Huyện Chư Prông	1.820
20	Kè chống sạt lở suối Hội Phú (giai đoạn 3)	Thành phố Pleiku	2.000
21	Kè chống sạt lở Cầu số 3	Thành phố Pleiku	2.000
22	Các tuyến kè sạt lở phát sinh mới	Toàn tỉnh	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục XII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ MÁY NƯỚC, TRẠM CẤP NƯỚC
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình	Nguồn nước dự kiến	Công suất (m ³ /ng.đ)
I	XÂY DỰNG MỚI		
1	Huyện Mang Yang		
a	Thị trấn Kon Dong		
	Trạm bơm cấp nước số 2	Nước dưới đất	3.000
b	Đô thị Kon Thụp		
	Nhà máy nước Kon Thụp	Nước mặt sông Ayun	2.600
2	Huyện Ia Grai		
a	Thị trấn Ia Kha		
	Nhà máy nước Ia Năng	Nước mặt hồ Ia Năng	4.000
b	Đô thị Ia Sao		
	Nhà máy nước Ia Sao	Nước mặt hồ Biển Hồ	3.200
3	Huyện Đức Cơ		
a	Thị trấn Chư Ty		
	Trạm cấp nước Ia Krêl	Nước mặt suối Ia Krêl	4.000
b	Thị trấn Lệ Thanh		
	Nhà máy nước thị trấn Lệ Thanh	Nước mặt sông Sê San	4.000
4	Huyện Đak Đoa		
	Trạm bơm cấp nước (số 2)	Nước mặt hồ Biển Hồ	5.000
5	Huyện Chư Prông		
a	Thị trấn Chư Prông		

STT	Tên công trình	Nguồn nước dự kiến	Công suất (m ³ /ng.đ)
	Nhà máy nước thị trấn Chư Prông	Nước mặt hồ Chư Prông	4.000
b	Đô thị Bàu Cạn		
	Nhà máy nước Bàu Cạn	Nước mặt hồ Hoàng Ân	2.200
6	Huyện Chư Puh		
	Nhà máy nước Plei Thơ Ga	Nước mặt hồ Plei Thơ Ga	3.500
7	Huyện Chư Sê		
	Nhà máy nước Nam thị trấn Chư Sê	Nước dưới đất	6.500
8	Huyện Đak Pơ		
	Nhà máy nước Tàu Dầu	Nước mặt hồ Tàu Dầu	1.000
9	Huyện Chư Păh		
a	Thị trấn Phú Hòa		
	Nhà máy nước Ia Ly 2	Nước mặt hồ Ia Ly	2.000
b	Thị trấn Ia Ly		
	Nhà máy nước Ia Ly	Nước mặt hồ Ia Ly	3.000
10	Huyện Krông Pa		
b	Đô thị Lệ Bắc		
	Trạm cấp nước Lệ Bắc	Nước ngầm	2.600
11	Thành phố Pleiku		
	Nghiên cứu xây dựng nhà máy nước Pleiku (cấp nước từ hồ Ia Ly về thành phố Pleiku)	Nước mặt	90.000
II	NÂNG CẤP, CẢI TẠO		
1	Thành phố Pleiku		
	Nhà máy nước Biển Hồ	Nước mặt Biển Hồ A	40.000

STT	Tên công trình	Nguồn nước dự kiến	Công suất (m ³ /ng.đ)
	Nhà máy nước Sài Gòn - Pleiku	Nước mặt Biển Hồ A	50.000
2	Huyện Kbang		
	Nhà máy nước dốc Khảo sát	Nước mặt suối Đăk Lốp	2.000
	Nhà máy nước Đăk Lốp	Nước mặt hồ thủy điện An Khê - Kanak	4.500
3	Huyện Kông Chro		
	Nhà máy nước thị trấn Kông Chro	Nước mặt sông Pơ Kơ	3.600
4	Huyện Mang Yang		
a	Thị trấn Kon Dơng		
	Nhà máy nước Kon Dơng (số 1)	Nước dưới đất	1.000
5	Huyện Phú Thiện		
	Nhà máy nước Phú Thiện - Ia Pa	Nước mặt hồ Ayun Hạ	7.000
6	Thị xã Ayun Pa		
	Nhà máy nước Ayun Pa	Nước mặt suối Ia Rbol	10.000
7	Huyện Ia Grai		
a	Thị trấn Ia Kha		
	Nhà máy nước Ia Kha	Nước dưới đất	1.000
8	Huyện Đức Cơ		
a	Thị trấn Chư Ty		
	Công trình cấp nước tập trung Chư Ty	Nước dưới đất	2.300
9	Huyện Ia Pa		
	Nhà máy nước Phú Thiện - Ia Pa	Nước mặt hồ Ayun Hạ	1.400
10	Huyện Đak Đoa		
	Trạm bơm cấp nước thị trấn	Nước dưới đất	2.000

STT	Tên công trình	Nguồn nước dự kiến	Công suất (m ³ /ng.đ)
	(số 1)		
11	Huyện Chư Puh		
	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Chư Puh	Nước dưới đất	827
12	Huyện Chư Sê		
	Nhà máy nước Chư Sê	Nước mặt hồ Ia Ring	9.000
13	Huyện Đak Pơ		
	Nhà máy nước Đak Pơ	Nước mặt hồ K'Tung 4	1.300
14	Huyện Chư Păh		
a	Thị trấn Phú Hòa		
	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Phú Hòa	Nước dưới đất	1.970
15	Huyện Krông Pa		
a	Thị trấn Phú Túc		
	Trạm cấp nước sinh hoạt Krông Pa	Nước mặt hồ Ia M'lah	4.000
16	Thị xã An Khê		
	Nhà máy nước Sài Gòn - An Khê	Nước mặt hồ An Khê - Ka Nak	15.000

Ghi chú:

- Tên, địa điểm, công suất, diện tích, phạm vi cấp nước, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- Vị trí, quy mô, công suất của đường ống truyền tải chính, đường ống truyền tải khu vực (cấp 1) và trạm bơm tăng áp trên các tuyến ống truyền tải được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo nhà máy nước, trạm cấp nước và phù hợp với nhu cầu cấp nước của địa phương.

Phụ lục XIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN VÀ LƯỚI ĐIỆN
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

STT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất
I	THỦY ĐIỆN		Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII
1	Thủy điện Ia Ly mở rộng	Sa Thầy (tỉnh Kon Tum), huyện Chư Păh	
2	Thủy điện Ia Glac 2	Huyện Chư Prông	
3	Thủy điện Ia Tchom 1	Huyện Ia Grai	
5	Thủy điện Đăk Pô Kei	Huyện Kon Rẫy (Kon Tum), huyện Chư Păh	
6	Thủy điện Ia Hiao	Thị xã Ayun Pa, huyện Phú Thiện	
7	Thủy điện Đăk Ayuonh	Huyện Mang Yang	
8	Thủy điện Krông Ja Taun	Huyện Mang Yang	
9	Thủy điện Ia Grai Thượng	Huyện Ia Grai	
10	Thủy điện Lơ Pang	Huyện Mang Yang	
11	Thủy điện tiềm năng		
-	Mở rộng, nâng công suất	Các huyện	
-	Các dự án thủy điện lớn	Các huyện: Chư Păh, Ia Grai, H'Drai	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất
-	Các thủy điện vừa và nhỏ	Các huyện	
II	ĐIỆN GIÓ		Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII
1	Điện gió Phát triển Miền núi	Huyện Chư Prông	
2	Điện gió Chế biến Tây nguyên	Huyện Chư Prông	
3	Điện gió Ia Pech	Huyện Ia Grai	
4	Điện gió Ia Pech 2	Huyện Ia Grai	
5	Điện gió Song An	Huyện An Khê	
6	Điện gió Yang Trung	Huyện Kông Chro	
7	Điện gió Chợ Long	Huyện Kông Chro	
8	Điện gió Hưng Hải Gia Lai	Huyện Kông Chro	
9	Điện gió Ia Le 1	Huyện Chư Puh	
10	Điện gió Ia Boòng - Chư Prông	Huyện Chư Puh	
11	Điện gió tiềm năng đề xuất triển khai*	Các huyện	
III	ĐIỆN MẶT TRỜI		Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII
1	Điện mặt trời Krông Pa 2	Huyện Krông Pa	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất
2	Điện mặt trời Trang Đức	Huyện Krông Pa	
3	Điện mặt trời Chư Ngọc - EVNLICOGI 16 (GD2)	Huyện Krông Pa	
4	Điện mặt trời Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	
5	Điện mặt trời KN Ia Ly - Gia Lai	Huyện Chư Păh	
6	Điện mặt trời Ia Rsum - Bitexco - TôNa	Huyện Krông Pa	
7	Điện mặt trời Ayun Pa	Thị xã Ayun Pa	
8	Các dự án Điện mặt trời tiềm năng đề xuất quy hoạch	Các huyện	
IV	ĐIỆN SINH KHỐI, ĐIỆN RÁC		
1	Cụm Nhà máy điện sinh khối tại xã Gà	Thành phố Pleiku	
2	Nhà máy điện sinh khối Gia Lai	Huyện Chư Puh	
3	Nhà máy điện sinh khối được kết hợp với nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm dăm gỗ, phụ phẩm cây công - nông nghiệp	Huyện Mang Yang	
4	Nhà máy điện sinh khối, điện sản xuất từ rác, phế phẩm nông nghiệp	Các huyện	

Ghi chú: Việc triển khai các dự án nêu trên chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của tỉnh Gia Lai.

B. LƯỚI ĐIỆN

1. Lưới điện 500kV

STT	Hạng mục	Ghi chú
I	Đường dây 500kV	
1	Xây dựng mới đường dây 500kV (mạch kép) Nhơn Hoà - Rẽ Pleiku - Đăk Nông dài 4km	
2	Xây dựng mới đường dây 500kV (mạch đơn) từ Thủy điện Ia Ly mở rộng đến Thủy điện Ia Ly dài 2km	
3	Cải tạo đường dây 500kV Thạch Mỹ - Pleiku 2 thành 02 mạch dài 199km	
4	Xây dựng mới đường dây 500kV Bình Định - Krông Buk, 02 mạch dài 216km	
5	Xây dựng mới đường dây 500kV (04 mạch) dài khoảng 0,1km từ trạm biến áp 500kV Ia Blứ đầu transits trên 2 mạch đường dây Pleiku 2 - Mỹ Phước - Cầu Bông (Chơn Thành) hiện hữu	
6	Xây dựng mới đường dây 500kV tuabin khí miền Trung - Krông Buk dài 97km	
7	Xây dựng mới đường dây 500 kV từ trạm biến áp 500kV Mang Yang đến trạm biến áp 500kV Pleiku/trạm biến áp 500kV Pleiku 2 dài 50km	
8	Xây dựng mới đường dây 500kV từ trạm biến áp 500kV Mang Yang đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 500kV Tuabine khí miền Trung - Krông Buk dài 70km	Tạo liên kết mạch vòng, đảm bảo an toàn hệ thống lưới điện.
9	Dự phòng phát sinh các đường dây 500kV (xây dựng mới, cải tạo) dài 200km	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đầu nối các dự án nguồn điện
II	Trạm biến áp 500kV	
1	Xây dựng mới trạm biến áp 500kV Nhơn Hoà công suất 2x900MVA	Giai đoạn 2024 - 2025, dự kiến lắp trước 01 máy biến áp công suất 900MVA
2	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 500kV Pleiku 2 công suất từ (450+900)MVA lên 2x900MVA	Nâng công suất 01 máy biến áp từ 450MVA lên 900MVA

STT	Hạng mục	Ghi chú
3	Xây dựng mới trạm biến áp 500kV Ia Blứ công suất 3x900MVA	Trước mắt lắp trước 01 máy biến áp công suất 900MVA, dự phòng 02 máy biến áp 500kV (công suất mỗi máy 900MVA) để đấu nối các dự án năng lượng tái tạo
4	Xây dựng mới trạm biến áp Mang Yang, công suất 2x900MVA	Giai đoạn 1 lắp trước 1 máy biến áp 500kV công suất 900MVA để đấu nối các dự án năng lượng tái tạo
5	Dự phòng phát sinh các trạm biến áp 500kV (xây dựng mới, cải tạo nâng công suất) với tổng công suất 900MVA	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện

2. Lưới điện 220kV

STT	Hạng mục	Ghi chú
I	Đường dây 220kV	
1	Nâng khả năng tải đường dây 220kV (mạch kép) Kon Tum - Pleiku dài 36km	Cải tạo, nâng khả năng tải
2	Nâng khả năng tải đường dây 220kV (mạch đơn) Pleiku - Điện sinh khối An Khê - Thủy điện An Khê dài 98km	Cải tạo, nâng khả năng tải
3	Xây dựng mới, cải tạo đường dây 220kV mạch 2 Pleiku 2 - Krông Buk dài 141km	Xây mới, cải tạo 01 mạch thành 02 mạch
4	Xây mới đường dây 220kV (04 mạch) Chư Sê - Rẽ Pleiku 2 - Krông dài 2km	Xây mới, đấu nối trạm biến áp 220kV Chư Sê, chuyển tiếp trên cả 02 mạch
5	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) Krông Pa - Chư Sê dài 63km	Xây mới, đấu nối trạm biến áp 220kV Krông Pa
6	Xây dựng mới đường dây 220kV (4 mạch) từ Điện gió Nhơn Hòa 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2 dài 4km	Xây mới, đấu nối nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1, 2

STT	Hạng mục	Ghi chú
7	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Điện gió Ia Pét Đak Đoa - Pleiku 3 dài 23km	Xây mới, đồng bộ điện gió Ia Pét - Đak Đoa
8	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Điện gió Ia Le 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2 dài 6km	Xây mới, đồng bộ điện gió Ia Le 1
9	Xây dựng mới đường dây 220kV từ Nhà máy điện gió Ia Boòng - Chư Prông - Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1 dài 8km	Xây mới, đồng bộ với Nhà máy điện gió Ia Boòng - Chư Prông
10	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Nhà máy điện gió Hưng Hải Gia Lai - Rẽ Pleiku 2 - Phước An dài 14km	Xây mới, đồng bộ Nhà máy điện gió Hưng Hải Gia Lai
11	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Nhà máy điện gió Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - Phước An dài 25km	Xây mới, đồng bộ Nhà máy điện gió Yang Trung
12	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) An Khê - Rẽ Pleiku 2 - Phước An dài 1km	Xây mới, đấu nối trạm biến áp 220kV An Khê
13	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) Gia Lai 1 - Pleiku 3 dài 20km	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
14	Nâng khả năng tải đường dây 220kV Pleiku 2 - Phước An (1 mạch) dài 151km	Xây mới mạch 2 hoặc thay dây dẫn siêu nhiệt
15	Dự phòng phát sinh các đường dây 220kV (xây dựng mới, cải tạo) với chiều dài 360km	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện
II	Trạm biến áp 220kV	
1	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV Chư Sê công suất 250MVA	
2	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV An Khê công suất 250MVA	
3	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV Krông Pa công suất 250MVA	
4	Xây dựng mới trạm biến áp Pleiku 2 500kV nối cấp 250MVA	
5	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV Gia Lai 1 công suất 250MVA	Xây mới đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

STT	Hạng mục	Ghi chú
6	Dự phòng phát sinh các trạm biến áp 220kV (xây dựng mới, cải tạo nâng công suất) với tổng công suất 500MVA	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện

3. Lưới điện 110kV

STT	Hạng mục	Ghi chú
I	Danh mục đường dây 110kV	
1	Đấu nối trạm biến áp 110kV Đăk Đoa (mạch kép) dài 1km	Chuyển tiếp trên đường dây từ trạm biến áp 500kV Pleiku - Mang Yang
2	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) dài 35km từ trạm biến áp 220kV Pleiku - trạm biến áp 110kV Ia Grai	Đấu nối vào thanh cái 110kV trạm biến áp 220kV Pleiku (đã đưa vào vận hành tháng 10 năm 2021).
3	Đấu nối trạm biến áp 110kV Chư Păh (mạch kép) dài 2km	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV trạm biến áp 500kV Pleiku - Kon Tum
4	Đấu nối trạm biến áp 110kV Trà Đa (mạch kép) dài 6km	Chuyển tiếp trên đường dây từ trạm biến áp 500kV Pleiku - Mang Yang
5	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) dài 8km từ trạm biến áp 110kV Trà Đa - trạm biến áp 110kV Pleiku	
6	Xây dựng mới đường dây 110kV An Khê - Đăk Pơ (mạch đơn) dài 20km	
7	Xây dựng mới đường dây 110kV Mang Yang - Đăk Pơ (mạch đơn) dài 42km	
8	Xây dựng mới đường dây 110kV Krông Pa - Sơn Hòa (mạch kép) dài 34km	Kết nối với tỉnh Phú Yên
9	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối trạm biến áp 110kV Phú Thiện (mạch kép) dài 3km	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Chư Puh - Nhiệt Điện Bă Mía (phân pha đồng bộ dây dẫn đồng trục)
10	Xây dựng mới nhánh rẽ trạm biến áp 110kV Bờ Ngoong (mạch kép) dài 3km	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Thủy điện H'Mun - Chư Sê
11	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối trạm biến áp 110kV Tây Pleiku (mạch kép)	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Diên Hồng -

STT	Hạng mục	Ghi chú
	dài 2km	Chư Sê (phân pha đồng bộ trực chính)
12	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV Chư Sê dài 17km	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Chư Sê - Chư Prông
13	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV Chư Sê dài 3km	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Chư Sê - Chư Puh
14	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm 220kV Chư Sê - trạm biến áp 110kV Chư Sê dài 18km	Đầu nối trên đường dây 110kV Chư Sê - Diên Hồng
15	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) đầu nối nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2 dài 1,5km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đăk Srông 3A+3B - ĐMT Krông Pa - Krông Pa (Quyết định số 423/QĐ-BCT ngày 31/01/2018). Khi TBA 220kV Krông Pa được triển khai đầu tư, nghiên cứu chuyển đầu nối ĐMT Krông Pa 2 về TBA 220kV Krông Pa bằng đường dây 110kV xây dựng mới dài 4,5km (tùy theo tình hình thực tế của dự án và hệ thống điện).
16	Xây dựng mạch 2 đường dây 110kV Ayun Pa - Đăk Srông 3B dài 26km.	
17	Cải tạo đường dây 110kV (mạch kép) đầu nối nhà máy thủy điện Đăk Srông dài 5km.	Xoá chữ T
18	Xây dựng mới đường dây 110kV đầu nối trạm biến áp 110kV Kông Chro (mạch kép) dài 0,5km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đăk Srông - An Khê
19	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 220kV An Khê dài 8km.	Đầu nối thanh cái trạm biến áp 110kV An Khê
20	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV An Khê dài 8km.	Chuyển tiếp trên đường Dây An Khê - Đak Pơ
21	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 220kV An Khê - Kông Chro dài 5km.	
22	Xây dựng mới đường dây 110kV Lê Thanh	

STT	Hạng mục	Ghi chú
	- Đúc Cơ (mạch đơn) dài 20km.	
23	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV Pleiku 2 dài 2km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Diên Hồng - Chư Sê
24	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV Pleiku 2 dài 28km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Ia Grai - Đúc Cơ
25	Treo dây mạch 2 đường dây 110kV Ayun Pa - EaHleo dài 38km	
26	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) Phú An - Trạm biến áp 220kV An Khê dài 5km.	
27	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) nhánh rẽ trạm biến áp 110kV Đăk Trôi dài 10km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ trạm biến áp 220kV Chư Sê - Phú Thiện
28	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) đầu nối trạm biến áp 110kV Thăng Hưng dài 12km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Chư Prông - Đúc Cơ
29	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) Pleime - Chư Prông dài 16km.	Giai đoạn 1 treo trước 01 mạch
30	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV Krông Pa dài 3,5km đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110kV nhà máy thủy điện Đăk Srông 3B - nhà máy điện mặt trời Krông Pa	
31	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 220kV Krông Pa dài 15km đầu nối vào trạm biến 110kV Krông Pa	
32	Xây dựng mới đường dây 110kV nhà máy điện gió Cửu An - trạm biến áp 220kV An Khê (mạch đơn) dài 9km.	Theo Biên bản làm việc ngày 06/4/2022 giữa Công ty Điện lực Gia Lai, Công ty Cổ phần Điện Gió Cửu An và Công ty Cổ phần Điện gió Song An.
33	Cải tạo đường dây 110kV trạm biến áp 500kV Pleiku - Kon Tum (mạch kép) dài 32km.	
34	Cải tạo đường dây 110kV (mạch đơn) trạm biến áp 110kV Chư Păh - Nhà máy thủy điện Đăk Đoa dài 5km.	Xoá đầu nối chữ T nhà máy thủy điện Đăk Đoa
35	Cải tạo đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 220kV Chư Sê - Chư Puh -	

STT	Hạng mục	Ghi chú
	Nhiệt điện bã mía Gia Lai - Ayun Pa dài 67km	
36	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 500kV Pleiku - trạm biến áp 110kV Pleiku dài 8km.	
37	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 220kV Chư Sê - Diên Hồng và các nhánh rẽ dài 40km.	Phân pha bao gồm các rẽ nhánh vào các nhà máy điện gió
38	Dự phòng phát sinh các đường dây 110kV (xây dựng mới, cải tạo) với chiều dài 300km.	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện
II	Danh mục trạm biến áp 110kV	
1	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Trà Đa công suất 40MVA	
2	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Tây Pleiku công suất 63MVA	
3	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Đak Đoa công suất 40MVA	
4	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Chư Păh công suất 40MVA	
5	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Chư Puh từ 40MVA lên 2x40MVA	
6	Nâng công suất trạm biến áp 110kV An Khê từ (25+40)MVA lên (63+40)MVA	
7	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Đak Pơ công suất 40MVA; giai đoạn 2031-2050 nâng công suất trạm biến áp 110kV Đak Pơ từ 40MVA lên 2x63MVA	
8	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Krông Pa từ 25MVA lên (25+40)MVA	
9	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Phú Thiện công suất 40MVA	
10	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Bờ Ngoong công suất 40MVA	
11	Xây dựng mới trạm biến áp điện mặt trời Krông Pa 2 công suất 2x25MVA, 22/110kV	Hiện nay, Công ty TNHH Đầu tư và PTNL Thành Nguyên (chủ đầu tư) đang triển khai thi công
12	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Pleiku từ 2x40MVA lên 2x63MVA	
13	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Mang	

STT	Hạng mục	Ghi chú
	Yang từ (25+40)MVA lên (63+40)MVA	
14	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Kông Chro công suất 25MVA	
15	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Phú An công suất 40MVA	
16	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Ia Pa công suất 40MVA	
17	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Lệ Thanh công suất 40MVA	
18	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Pleime công suất 40MVA	
19	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Đăk Trôi công suất 40MVA	
20	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Thăng Hưng công suất 40MVA	
21	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Ia Kha công suất 2x40MVA	
22	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Ayun Pa từ 2x25MVA lên (25+63)MVA	
23	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Đức Cơ từ (25+40)MVA lên (63+40)	
24	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Diên Hồng từ (40+63)MVA lên 2x63MVA	
25	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Chư Prông từ (16+25)MVA lên (40+25)	
26	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Ia Grai từ 25MVA lên (25+40)	
27	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Chư Sê từ 2x25MVA lên (40+25)	
28	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Kbang từ 25MVA lên (25+40)	
29	Dự phòng phát sinh các trạm biến áp 110kV (xây dựng mới, cải tạo nâng công suất) với tổng công suất 1600MVA.	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện

4. Lưới điện trung và hạ áp

a) Đường dây trung áp

STT	Danh mục đường dây trung áp	Ghi chú
1	Xây dựng mới, cải tạo 1450km đường dây	

	trung áp.	
2	Dự phòng phát sinh các đường dây trung áp (xây dựng mới, cải tạo) với chiều dài 300km.	Tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện

b) Trạm biến áp trung áp

STT	Danh mục trạm biến áp trung áp	Ghi chú
1	Xây dựng mới, cải tạo 2610 trạm biến áp với tổng công suất 835MVA.	
2	Dự phòng phát sinh các trạm biến áp trung áp (xây dựng mới, cải tạo nâng công suất) với tổng công suất 250MVA.	Tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện

c) Đường dây hạ áp

STT	Danh mục công trình đường dây hạ áp	Ghi chú
1	Xây dựng mới, cải tạo 6320km đường dây hạ áp.	
2	Dự phòng phát sinh các đường dây hạ áp (xây dựng mới, cải tạo) với chiều dài 1500km	

d) Trạm sạc điện

STT	Danh mục công trình	Số lượng	Công suất	Ghi chú
1	Trạm sạc điện chuyên dụng cho phương tiện xe điện	400 Trạm	60 MVA	

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và các tuyến đường dây phải căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.



Phụ lục XIV

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng

Chính phủ)

STT	Khu xử lý chất thải	Địa điểm dự kiến	Công suất dự kiến (tấn/ngđ)
1	Nhà máy xử lý rác thải	Thành phố Pleiku	400
2	Nhà máy xử lý chất thải rắn Ayun Pa	Thị xã Ayun Pa	200
3	Khu xử lý chất thải rắn huyện Đak Pơ	Huyện Đak Pơ	30
4	Nhà máy xử lý chất thải rắn Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	150
5	Khu xử lý chất thải rắn huyện Đrúc Cơ	Huyện Đrúc Cơ	30
6	Khu xử lý chất thải rắn huyện Chư Păh	Huyện Chư Păh	20
7	Khu xử lý chất thải rắn huyện Kông Chro	Huyện Kông Chro	20
8	Nhà máy xử lý chất thải rắn Chư Prông	Huyện Chư Prông	150
9	Khu xử lý chất thải rắn huyện Mang Yang	Huyện Mang Yang	25
10	Nhà máy xử lý rác thải nguy hại Ia Grai	Huyện Ia Grai	200
11	Khu xử lý chất thải rắn huyện Chư Puh	Huyện Chư Puh	25
12	Khu xử lý chất thải rắn huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	20
13	Khu xử lý chất thải rắn huyện Ia Pa	Huyện Ia Pa	20
14	Nâng cấp nhà máy xử lý rác thải Chư Sê	Huyện Chư Sê	200
15	Nâng cấp nhà máy xử lý chất thải rắn An Khê	Thị xã An Khê	150
16	Khu xử lý chất thải rắn huyện Kbang	Huyện Kbang	25
17	Khu xử lý chất thải rắn huyện Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	30
18	Các khu xử lý chất thải rắn khác	Các huyện, thị xã	85 ha